

Số: **2728** /QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày **19** tháng **10** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Tây,
tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ của nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Tiền Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 394/BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trong năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 20/9/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Gò Công Tây về việc thông qua Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045;

Theo Báo cáo số 2454/BC-SXD ngày 08/10/2021 của Sở Xây dựng về việc thẩm định đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây tại Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 11/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045.

2. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch:

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch vùng huyện bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của huyện Gò Công Tây gồm thị trấn Vĩnh Bình và 12 xã: Đồng Sơn, Bình Phú, Đồng Thạnh, Thành Công, Bình Nhì, Yên Luông, Thạnh Trị, Thạnh Nhựt, Long Vĩnh, Bình Tân, Vĩnh Hựu, Long Bình.

- Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 184,4 km².

- Ranh giới hành chính của huyện Gò Công Tây được xác định:

+ Phía Bắc giáp tỉnh Long An.

+ Phía Nam giáp huyện Tân Phú Đông.

+ Phía Đông giáp huyện Gò Công Đông, Thị xã Gò Công.

+ Phía Tây giáp huyện Chợ Gạo.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch:

a) Mục tiêu:

- Việc quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Tây tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 phải bền vững, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đảm bảo môi trường, an sinh xã hội, cuộc sống người dân được ổn định, gắn chặt quốc phòng, an ninh.

- Hoàn thành tiêu chí số 1 huyện nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

b) Nhiệm vụ:

- Cụ thể hóa chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tiền Giang và huyện Gò Công Tây đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045.

- Cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Tiền Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

- Góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và lợi thế của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng bền vững; văn hóa - xã hội phát triển lành mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh vững chắc; phù hợp với điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Gò Công Tây đã được phê duyệt.

- Đề xuất phát triển hệ thống đô thị, các khu dân cư nông thôn tập trung trên cơ sở khai thác lợi thế riêng của huyện Gò Công Tây thúc đẩy phát triển ngành kinh tế mũi nhọn. Đề xuất phân bố không gian phát triển nông nghiệp, xây dựng công nghiệp, du lịch - dịch vụ, hệ thống hạ tầng xã hội, tổ chức phát triển giao thông và phân bố các công trình hạ tầng kỹ thuật, tổ chức môi trường bền vững ở đô thị và nông thôn.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch công nghiệp, du lịch - dịch vụ, các vùng nông nghiệp... tiền đề thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn huyện.

- Đề xuất các tiêu chuẩn áp dụng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn ngành và các tiêu chí huyện nông thôn mới.

4. Tính chất, chức năng và vai trò của vùng:

a) Tính chất vùng:

Với vị trí trung gian giữa 2 đô thị lớn của tỉnh Tiền Giang (thành phố Mỹ Tho và thị xã Gò Công), về phương diện địa lý kinh tế huyện Gò Công Tây là huyện nằm giữa 2 trung tâm đô thị năng động của tỉnh Tiền Giang.

- Huyện Gò Công Tây có vai trò kết nối kinh tế - xã hội quan trọng trên trục hành lang kinh tế khu vực phía Đông tỉnh Tiền Giang, là huyện có nền nông nghiệp phát triển, định hướng dịch vụ và công nghiệp phát triển.

- Là huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới.

b) Chức năng, vai trò của vùng:

- Vùng huyện Gò Công Tây với đô thị là thị trấn Vĩnh Bình đã được công nhận là đô thị loại V, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa khoa học kỹ thuật của huyện.

- Chức năng, vai trò của vùng huyện:

+ Cửa ngõ giao lưu kinh tế từ huyện Tân Phú Đông qua tỉnh Bến Tre.

+ Vị trí trung gian về giao thông thủy theo tuyến kênh Chợ Gạo từ vùng đồng bằng sông Cửu Long lên vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đặc biệt là tuyến sông Tra từ kênh Chợ Gạo ra đến sông Soài Rạp.

5. Các dự báo phát triển vùng:

5.1. Dự báo phát triển dân số:

a) Dự báo dân số vùng huyện:

Chỉ tiêu	Hiện trạng 12/2020	Dự báo (làm tròn số)		
		Đến 2025	Đến 2030	Đến 2045
Tổng dân số (1.000 người)	127,753	141,047	186,397	209,597
Tỷ lệ tăng dân số bình quân (%)	0,70	2,0	3,85	2,0
- Tăng tự nhiên (%)	0,65	0,60	0,55	0,50
- Tăng cơ học (%)	0,05	1,40	3,30	1,50

b) Dự báo tỷ lệ đô thị hóa, dân số đô thị và nông thôn:

Chỉ tiêu	Dự báo		
	2025	2030	2045
Dân số toàn huyện (1.000 người)	141,047	186,397	209,597
Tỷ lệ đô thị hóa (%)	29% - 30%	41% - 42%	44% - 45%
- Dân số đô thị (1.000 người)	42,300	78,000	93,300
- Dân số nông thôn (1.000 người)	98,747	108,397	116,297

5.2. Dự báo nhu cầu đất xây dựng đô thị và khu dân cư nông thôn:

a) Đất xây dựng đô thị:

Chỉ tiêu	Dự báo		
	2025	2030	2045
Dân số đô thị (1.000 người)	42,300	78,000	93,300
Tiêu chuẩn (m ² /người)	- 2 đô thị mới : TC 150 m ² /người - TT Vĩnh Bình: theo DT hiện hữu 768,97 ha	- 2 đô thị mới : TC 180 m ² /người - TT Vĩnh Bình: theo DT hiện hữu 768,97 ha	- 2 đô thị mới: TC 200 m ² /người - TT Vĩnh Bình: theo DT hiện hữu 768,97 ha
Quy mô đất đô thị (ha)	1.148,47	1.272,97	1.442,97

b) Đất xây dựng khu dân cư nông thôn:

Chỉ tiêu	Dự báo		
	2025	2030	2045
Dân số nông thôn (1.000 người)	98,747	108,397	116,297
Tiêu chuẩn (m ² /hộ - 4 người)	300	400	500
Quy mô đất khu dân cư nông thôn (ha)	740,60	1.083,97	1.453,71

6. Định hướng phát triển không gian vùng

6.1. Cấu trúc không gian vùng:

a) Cấu trúc lưu thông:

Khung phát triển vùng huyện Gò Công Tây gồm các trục hành lang kinh tế đô thị tỉnh và Quốc gia như sau:

- Trục hành lang kinh tế - đô thị Quốc gia: Quốc lộ 50 nối thành phố Hồ Chí Minh với khu vực công nghiệp cảng Cần Giuộc - Long An và vùng Gò Công tỉnh Tiền Giang; Trục đường ven biển kết nối Miền Tây (QH) nối thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre và các tỉnh miền Tây.

- Trục hành lang kinh tế đường thủy Quốc gia: Hệ thống giao thông thủy sông Cửa Tiểu, sông Tra, sông Vàm Cỏ....

- Các tuyến đường tỉnh trên địa bàn huyện (từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông)

b) Cấu trúc không gian các vùng đô thị - công nghiệp tập trung:

- Vùng phát triển đô thị trung tâm của huyện (Đô thị động lực là thị trấn Vĩnh Bình, bán kính ảnh hưởng khoảng 5km - 6km). Bao gồm thị trấn Vĩnh Bình và trung tâm các xã: Bình Nhì, Thạnh Nhựt, Thạnh Trị, Yên Luông. Phát triển đất sản xuất TTCN-CN với quy mô nhỏ tại thị trấn Vĩnh Bình.

- Các cực phát triển vùng đối trọng:

+ Vùng phát triển đô thị - công nghiệp phía Bắc Quốc lộ 50 của huyện với hạt nhân là đô thị Đồng Sơn. Bao gồm đô thị Đồng Sơn, trung tâm xã Bình Phú, Đồng Thạnh, Thành Công. Phát triển công nghiệp, cảng sông tập trung ven sông Tra với các ngành công nghiệp đa ngành nghề.

+ Vùng phát triển đô thị phía Nam Quốc lộ 50 với hạt nhân là đô thị Long Bình. Bao gồm đô thị Long Bình và trung tâm các xã: Long Vĩnh, Vĩnh Hựu, Bình Tân. Phát triển đất sản xuất TTCN-CN tại xã Vĩnh Hựu, Bình Tân.

c) Cấu trúc không gian vùng cảnh quan và không gian mở:

Bao gồm sông Cửa Tiểu, sông Tra...

6.2. Phân chia vùng phát triển kinh tế - đô thị:

Toàn vùng huyện được phân thành 2 phân vùng kinh tế - đô thị bởi trục chính là Quốc lộ 50 với các trục liên kết vùng: Quốc lộ 50, ĐT.872, ĐT.872B, ĐT.877, ĐT.873 và tuyến ĐT.877C (dự kiến), Đường tỉnh 864 (đường dọc sông Tiền dự kiến).

a) Phân vùng Bắc Quốc lộ 50 (Nông nghiệp công nghệ cao - Công nghiệp):

Phân vùng Bắc Quốc lộ 50 quy hoạch phía Bắc Quốc lộ 50 với ranh giới bao gồm đô thị Đồng Sơn, xã Bình Nhì, Đồng Thạnh, Bình Phú, Thành Công và 1 phần của các xã Yên Luông, Thạnh Trị, Thạnh Nhựt.

Trung tâm của phân vùng là đô thị Đồng Sơn, vệ tinh là trung tâm xã Đồng Thạnh.

Động lực phát triển chủ lực phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, trang trại chăn nuôi tập trung đặc trưng của từng vùng, đặc biệt trồng lúa chất lượng cao. Nuôi thủy sản nước lợ sẽ gia tăng diện tích và hình thành vùng chuyên ổn định ở khu vực ngoài đê dọc theo sông Tra thuộc xã Đồng Sơn, Bình Phú.

Cụm công nghiệp Đồng Sơn quy hoạch giáp sông Tra.

Trục liên kết phân vùng: Quốc lộ 50, ĐT.872 (nâng cấp tuyến ĐH.18), ĐT.873 và ĐT.877C (dự kiến).

b) Phân vùng Nam Quốc lộ 50 (Nông nghiệp công nghệ cao - Công

nghiệp – Du lịch):

Phân vùng Nam Quốc lộ 50 quy hoạch phía Nam Quốc lộ 50 với ranh giới bao gồm thị trấn Vĩnh Bình, xã Vĩnh Hựu, Long Vĩnh, Long Bình, Bình Tân và 1 phân xã Thạnh Trị, Yên Luông và Thạnh Nhựt.

Trung tâm của phân vùng là thị trấn Vĩnh Bình, vệ tinh là đô thị Long Bình.

Động lực phát triển chủ lực là Nông nghiệp hướng đến công nghệ cao, bảo tồn vườn cây ăn trái đặc sản. Phát triển theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP. Vùng trồng dừa tập trung là nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến, xuất khẩu và vườn cây lâu năm trong phân vùng đang phát triển nhanh, hình thành vùng kinh tế vườn (dừa, cây ăn trái) tập trung chủ yếu ven sông Tiền. Lúa phân bố tại khu vực xa sông, một số diện tích sẽ chuyển sang luân canh.

Dịch vụ - thương mại phát triển theo các tuyến đường giao thông bộ trên địa bàn và tập trung dọc theo QL 50, thị trấn Vĩnh Bình, trung tâm xã Long Bình.

Hai cụm công nghiệp quy hoạch tại Vàm Giồng xã Vĩnh Hựu giáp sông Cửa Tiểu và cụm công nghiệp Long Bình tại xã Bình Tân.

Với lợi thế tiếp giáp sông Cửa Tiểu, trên tuyến Đường tỉnh 864 (đường dọc sông Tiền dự kiến) và gần Biển Đông, phân vùng Nam Quốc lộ 50 còn có động lực nhiều tiềm năng là phát triển nghề hậu cần nghề cá (bến bãi, cơ sở đóng và sửa chữa tàu thuyền), nuôi chim yến, du lịch sinh thái kết hợp vùng nuôi trồng thủy sản trên sông Tiền, vườn cây ăn trái, tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng vùng sông nước Nam bộ.

Trục liên kết phân vùng: Quốc lộ 50, ĐT.872, ĐT.877, ĐT.872B, trục ven sông Tiền (QH).

c) Tổng hợp quy mô 2 phân vùng phát triển kinh tế - đô thị:

Số TT	Chỉ tiêu	Phân vùng Bắc QL.50			Phân vùng Nam QL.50		
		2025	2030	2045	2025	2030	2045
1	Diện tích tự nhiên (ha)	7.421,65	7.421,65	7.421,65	11.025,95	11.025,95	11.025,95
2	Dân số (người)	53.613	59.243	65.870	86.434	127.154	143.727

6.3. Phân bố hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn:

a) Định hướng phát triển hệ thống đô thị trong vùng:

- Hiện nay vùng huyện Gò Công Tây có 01 đô thị loại V (thị trấn Vĩnh Bình), dự kiến nâng cấp lên đô thị loại IV trong giai đoạn 2026-2030;

- Giai đoạn 2021- 2025 hình thành mới 02 đô thị loại V (đô thị Đồng Sơn, Long Bình).

b) Định hướng phát triển hệ thống trung tâm dân cư vệ tinh:

Giai đoạn 2021-2025 hình thành các trung tâm dân cư: Vàm Giồng; Xóm Thủ; Thành Công; Thạnh lợi.

c) Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn:

- Hình thái dân cư nông thôn huyện Gò Công Tây chủ yếu: là hình thái cụm – điểm dân cư tại trung tâm xã; hình thái tuyến dân cư phân bố dọc đường giao thông lớn như đường tỉnh, huyện, các sông kênh rạch lớn; và dạng hình thái phân bố phân tán trong khu vực chuyên canh lúa, ở đan xen vườn cây ăn trái (gắn kết các hình thái dân cư này với mô hình du lịch cộng đồng).

- Mô hình phân bố dân cư nông thôn huyện Gò Công Tây là vùng đồng bằng trên cơ sở tổ nhân dân tự quản, ấp, xã. Quy hoạch xây dựng xã theo mô hình nông thôn mới, để đảm bảo tiện nghi về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và hình thành các vùng chuyên canh lớn cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp để phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn.

- Định hướng sắp xếp, tổ chức dân cư dân theo mô hình tập trung tại trung tâm xã và các điểm, tuyến dân cư tập trung. Đưa dân định cư phân tán rải rác trong nội đồng, trên các tuyến ven kênh rạch vùng sâu vào các điểm, tuyến dân cư tập trung.

- Quy hoạch, cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đặc biệt là giao thông, cấp nước, cấp điện theo xu hướng tiếp cận nếp sống đô thị.

6.4. Phân bố các vùng công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:

a) Quy hoạch cụm công nghiệp tập trung:

- Cụm công nghiệp Đồng Sơn: Địa điểm đầu tư tại xã Đồng Sơn, với quy mô diện tích dự kiến 48 ha. Ngành nghề đầu tư: Cơ khí, vật liệu xây dựng, chế biến lương thực, thực phẩm, may công nghiệp.

- Cụm công nghiệp Vĩnh Hựu: Địa điểm đầu tư tại xã Vĩnh Hựu, qui mô diện tích 38 ha. Ngành nghề đầu tư: Chế biến các sản phẩm từ dừa, lương thực, thực phẩm, cơ khí.

- Cụm công nghiệp Long Bình: Địa điểm đầu tư tại xã Bình Tân, qui mô diện tích 50 ha. Ngành nghề đầu tư: Chế biến lương thực, thực phẩm, cơ khí sửa chữa tàu thuyền, may gia công, chế biến sơ dừa.

- Quy hoạch và phát triển cơ sở sản xuất như xưởng may gia công ở TT Vĩnh Bình, Thạnh Nhựt, Thạnh Trị và Long Bình, chế biến sơ dừa, đan lát theo các tuyến giao thông, Quốc lộ 50, đường tỉnh.

- Quy hoạch khu gia công, chế biến hàng nông sản và dịch vụ kho vận tại ấp Ninh Đồng, đô thị Đồng Sơn (dọc theo phía Tây kênh Chợ Gạo).

- Bố trí và phát triển các làng nghề sản xuất các sản phẩm mây tre, đan lục bình, chỉ xơ dừa, bó chổi, thủ công mỹ nghệ ...

Dọc sông cửa Tiểu, với lợi thế tiếp cận tuyến giao thông dọc sông Tiền và sông lớn đề xuất phát triển các khu bến bãi phục vụ sản xuất, vật liệu xây dựng và cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền tại xã Long Vĩnh, đô thị Long Bình.

b) Đất TTCN-CN trong quy hoạch xây dựng đô thị:

Đất TTCN-CN trong quy hoạch đô thị bao gồm đất sản xuất TTCN-CN trong quy hoạch xây dựng thị trấn Vĩnh Bình, đô thị Long Bình và đô thị Đồng Sơn nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất TTCN của dân cư đô thị và là địa điểm để

các cơ sở sản xuất công nghiệp ít gây ô nhiễm môi trường từ khu vực trung tâm đô thị di dời ra khu vực ngoại vi. Vị trí và quy mô đã được đề xuất trong quy hoạch chung xây dựng đô thị.

c) Đất sản xuất TTCN – làng nghề truyền thống:

Đất sản xuất TTCN và làng nghề truyền thống phân bố trong các khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện, có thể kết hợp mô hình ở - canh tác - sản xuất TTCN.

6.5. Phân bố các vùng du lịch, vùng cảnh quan, bảo tồn thiên nhiên:

a) Sản phẩm du lịch:

- Tổ chức nối tuyến du lịch từ Mỹ Tho đi Gò Công Tây - TX Gò Công - Gò Công Đông và Tân Phú Đông và gắn kết với du lịch thành phố Hồ Chí Minh:

- Các điểm tham quan: Đình Đồng Thạnh, Lầu Bà Năm, Vườn Ca Cao, làng nghề bó chổi Vĩnh Hựu, cơ sở nuôi trồng Đông trùng hạ thảo, Nấm linh chi, các hợp tác xã Nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Hướng tiếp cận chủ yếu bằng đường bộ là theo Quốc lộ 50; bằng đường thủy là theo tuyến sông Tiền. Đây là nơi cung cấp những sản phẩm du lịch đặc trưng biển của Tiền Giang. Thời gian tham quan: từ 2 đến 3 ngày. Địa điểm lưu trú: TX Gò Công, Gò Công Đông và Tân Phú Đông và các hộ nhà vườn (homestay) Gò Công Tây. Tuyến du lịch này còn được liên kết với các điểm du lịch của huyện Cần Giuộc (TP.HCM) và biển Vũng Tàu bằng đường biển.

b) Phân bố các vùng du lịch:

Địa phương	Khu, điểm du lịch	Quy mô
Xã Đồng Sơn	Bia chiến thắng Đồng Sơn; Khu căn cứ Tỉnh đội Gò Công	- Giữ theo hiện trạng - Tôn tạo – nâng cấp
Xã Đồng Thạnh	Đình Đồng Thạnh; Lầu Bà Năm	- Giữ theo hiện trạng - Tôn tạo – nâng cấp
Xã Vĩnh Hựu	Khu căn cứ cách mạng Vĩnh Hựu; Vườn Ca cao; làng nghề bó chổi; Cơ sở nuôi trồng Đông trùng hạ thảo	- Giữ theo hiện trạng - Tôn tạo – nâng cấp
Xã Thạnh Nhựt	Vườn Bưởi; Vườn Mai nu Gò Công; cơ sở nuôi trồng Nấm Linh chi ...	- Theo thực tế phát triển
Xã Bình Tân	Mộ và đập ông Chưởng	- Giữ theo hiện trạng - Tôn tạo – nâng cấp
Thị trấn Vĩnh Bình	Chùa Ông Lão; Đình Vĩnh Bình và Lễ hội Kỳ yên	- Giữ theo hiện trạng - Tôn tạo – nâng cấp
Đô thị Long Bình	Khu du lịch sinh thái dọc sông Cửa Tiểu (du lịch sông nước, làng nghề, vườn cây, hộ nhà vườn (homestay)	- Xây dựng mới: khoảng 10 ha (Đề xuất mời gọi đầu tư)

6.6. Phân bố các vùng nông – lâm, thủy sản:

a) Vùng I (vùng Bắc Quốc lộ 50), bao gồm các xã Đồng Sơn, Bình Phú, Đồng Thạnh, Thành Công, Bình Nhì. Phát triển chủ yếu là nông nghiệp. Đất nông nghiệp không biến động nhiều so với sử dụng đất hiện trạng, diện tích lúa giảm nhẹ và có khuynh hướng phát triển thành vùng chuyên với quy mô khá tập trung, đặc biệt là tại Đồng Sơn một số diện tích chuyển sang trồng cây thanh long; Bình Nhì diện tích lúa chuyên canh sẽ được chuyển sang lúa luân canh màu; cây lâu năm tăng nhẹ theo tiến độ gia tăng thổ canh; nuôi trồng nước lợ sẽ gia tăng diện tích và hình thành vùng chuyên ổn định ngoài đê phía Tây xã Đồng Sơn.

b) Vùng II (vùng Nam Quốc lộ 50), bao gồm thị trấn Vĩnh Bình và các xã Yên Luông, Thạnh Trị, Thạnh Nhứt, Long Vĩnh, Bình Tân, Vĩnh Hựu, Long Bình. Thị trấn Vĩnh Bình là trung tâm hành chính của Huyện. Vùng II phát triển cây lâu năm tương đối nhanh hơn vùng I, hình thành vùng kinh tế vườn (dừa, cây ăn trái) tập trung chủ yếu ven sông Tiền. Lúa phân bố tại khu vực xa sông, một số diện tích sẽ chuyển sang luân canh. Phát triển nuôi thủy sản nước lợ tại khu vực ngoài đê ven sông Tiền thuộc 3 xã Long Bình và Bình Tân, Vĩnh Hựu.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

a) Giáo dục mầm non:

- Năm 2021 -2025, huy động nhà trẻ đạt 20%; mẫu giáo 3-4 tuổi đạt 85%, mẫu giáo 5 tuổi ra lớp đạt trên 99,0% ; Đảm bảo đủ phòng học, phòng chức năng và đồ dùng dạy học ; Giáo viên đều đạt chuẩn hóa và có trên 50% trên chuẩn ; Phấn đấu có 100% số trường đạt chuẩn quốc gia.

- Năm 2026-2045: Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu chưa đạt trong giai đoạn.

b) Giáo dục tiểu học:

- Năm 2021-2025, tỉ lệ huy động đạt 99% so với dân số độ tuổi ; 100% các lớp thực hiện giảng dạy 2 buổi/ngày; Phấn đấu đến 2025 có 100% trường đạt chuẩn quốc gia và tái công nhận đạt chuẩn; 100% giáo viên đều đạt chuẩn Đại học sư phạm.

- Năm 2026-2045: Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu chưa đạt trong giai đoạn 2021-2025 và phát triển theo định hướng chung của ngành.

c) Giáo dục trung học cơ sở:

- Năm 2021-2025: Tỉ lệ huy động đạt 98% so với dân số độ tuổi; Nâng cao tỉ lệ phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi; Tỉ lệ lớp học 2 buổi/ngày đạt 30%; Phấn đấu đến 2025 có trên 50% trường đạt chuẩn quốc gia; 100% Giáo viên đều đạt chuẩn hóa và có trên 50% trên chuẩn.

- Năm 2026-2045: Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu chưa đạt trong giai đoạn 2021-2025 và phát triển theo định hướng chung của ngành.

d) Trung học phổ thông:

- Tỉ lệ huy động trên 80% đến năm 2025 và đến năm 2030 đạt trên 95%, so với dân số độ tuổi; Tỉ lệ lớp học 2 buổi/ngày đạt 30%; 100% Giáo viên đều đạt chuẩn hóa và có 30% giáo viên có trình độ sau đại học; Phấn đấu đến 2025 có trên 75% trường đạt chuẩn quốc gia.

- Năm 2026 - 2045: Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu chưa đạt trong giai đoạn 2021-2025 và phát triển theo định hướng chung của ngành.

7.2. Hệ thống Văn hóa – thông tin, TDTT:

a) Văn hóa - thông tin:

- Phát triển văn hóa gắn kết với du lịch, đảm bảo phát huy tốt các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể thành các sản phẩm du lịch; Phát triển văn hóa trên cơ sở huy động mọi tiềm năng, trí tuệ và vật chất của toàn xã hội, đồng thời đảm bảo được các quan điểm chỉ đạo của huyện, của tỉnh; Phấn đấu đến năm 2025 có 80% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa và đến năm 2030 có 100% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp trang thiết bị tiếp sóng truyền hình, thiết bị truyền thanh từ huyện đến cơ sở; Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, phóng viên đảm bảo 70-80% có trình độ đại học và tác nghiệp thành thạo chuyên môn.

- Năm 2026-2045: Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu văn hóa, thông tin chưa đạt trong giai đoạn 2021-2025 và phát triển theo định hướng chung của ngành.

b) Thể dục thể thao:

- Đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao trong các trường học, nhằm phát hiện nhân tài kịp thời cung cấp cho các trung tâm đào tạo chuyên nghiệp. Mục tiêu phấn đấu mỗi xã đều có đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông,... sân bóng đá và sân bóng chuyền.

- Các công trình thể dục thể thao trọng điểm gồm:

+ Nâng cấp sân vận động huyện, các sân bóng đá xã.

+ Xây mới các sân bóng đá xã còn thiếu. Nâng cấp Trung tâm Văn hóa - thể thao và truyền thanh huyện Gò Công Tây đạt chuẩn vào năm 2021.

+ Trang bị dụng cụ thể dục thể thao cho trường học, các xã theo hướng khai thác mọi nguồn của ngân sách và sự đóng góp của toàn xã hội.

+ Khuyến khích nhân dân xây dựng các sân quần vợt, cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ, bóng đá mini, phòng tập thể dục, phòng tập thể hình, hồ bơi...

Năm 2026-2045: Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu Thể dục – thể thao chưa đạt trong giai đoạn 2021-2025 và phát triển theo định hướng chung của ngành.

7.3. Y tế:

a) Định hướng:

Huyện tập trung đầu tư xây dựng cơ sở - trang bị và củng cố mạng lưới y tế, nâng cao năng lực khám và chữa bệnh, tăng cường công tác kế hoạch hóa gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, công tác quản lý vệ sinh thực phẩm, quản lý vệ sinh môi trường, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế.

- Đến cuối năm 2021 có 100% trạm y tế có bác sĩ, khuyến khích mở rộng mạng lưới khám và điều trị tư nhân. Phấn đấu bình quân số bác sĩ/10.000 dân sẽ tăng từ 2,5 năm 2020 lên 3,5 vào năm 2025 và 5 bác sĩ vào năm 2030.

- Tổng số giường bệnh hiện có cần tăng lên 532 giường năm 2025. Phấn đấu bình quân số giường bệnh/10.000 dân khoảng 40 giường bệnh /10.000 dân vào năm 2025 đến 2030 (tính cả giường bệnh tại trạm y tế xã).

- Về cán bộ y tế, nhanh chóng bổ sung bác sĩ cho bệnh viện và các Trạm y tế xã, phấn đấu đến năm 2025 bệnh viện có đủ bác sĩ chuyên khoa, tất cả trạm đều có bác sĩ.

- Tăng tỷ lệ thực hiện kế hoạch hóa ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ lên 92% năm 2020 và trên 95% năm 2025. Phấn đấu đến năm 2030 tăng tỷ lệ thực hiện kế hoạch hóa ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ lên 100%.

b) Các dự án đầu tư (các công trình trọng điểm):

- Mở rộng Bệnh viện huyện lên 100 giường tại thị trấn Vĩnh Bình với đầy đủ các chức năng và các công trình phụ trợ hoàn chỉnh.

- Xây mới, sửa chữa nâng cấp và trang bị mới cho các Trạm y tế xã theo chuẩn quốc gia.

- Khuyến khích tư nhân đầu tư xây dựng nhà bảo sanh, phòng mạch, phòng răng, tổ chẩn trị y học dân tộc.

7.4. Thương mại – dịch vụ:

a) Mạng lưới chợ và cơ sở vật chất: Mạng lưới chợ sẽ được tiếp tục hình thành đồng bộ từ chợ trung tâm huyện mang tính chất đô thị loại 5 đến các chợ trung tâm xã. Các chợ sẽ được mở rộng, cải tạo hoặc xây mới, kiện toàn bộ máy quản lý chợ, nhằm đảm bảo việc giao lưu hàng hóa thuận lợi hơn. Ưu tiên quy hoạch và xây dựng mở rộng chợ và chợ vừa nông sản Đồng Sơn, chợ vừa thủy sản Long Bình. Chợ thị trấn Vĩnh Bình sẽ trở thành chợ trung chuyển cho các chợ xã, thu gom nông sản của các xã phía Nam QL50 và huyện Tân Phú Đông.

b) Trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị:

Từ nay đến năm 2030, sẽ đầu tư xây dựng các dự án theo Điều chỉnh phát triển thương mại tỉnh tiền Giang đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 như sau:

- Xây dựng mới siêu thị thương mại tại thị trấn Vĩnh Bình (diện tích 10.000 m², vốn xã hội hóa).

- Siêu thị sách Gò Công Tây tại thị trấn Vĩnh Bình (diện tích 5.000 m², vốn xã hội hóa).

c) Khu thương mại, dịch vụ: Trong quá trình quy hoạch đô thị của huyện Gò Công Tây, sẽ nghiên cứu xây dựng Khu Thương mại - Dân cư chợ Long Bình tại xã Long Bình; Chợ và khu dân cư Thành Công tại xã Thành Công.

d) Mạng lưới xăng dầu: Đầu tư phát triển hệ thống đại lý xăng dầu gắn với các trục đường giao thông, địa bàn dân cư và các cơ sở tiêu thụ khác.

Mạng lưới kinh doanh xăng dầu cần được phát triển theo các định hướng sau:

- Di dời, xóa bỏ đối với các cửa hàng kinh doanh vi phạm quy định về an toàn giao thông, về môi trường và về phòng cháy chữa cháy;

- Cải tạo, nâng cấp các cửa hàng hiện có thành những cửa hàng kinh doanh đa ngành; ngoài kinh doanh mặt hàng chính là xăng dầu, cần phát triển thêm các dịch vụ như kinh doanh gaz và khí hóa lỏng, dịch vụ sửa chữa xe, rửa xe;

- Xây mới các cửa hàng ở những khu đô thị, khu dân cư mới và các tuyến giao thông mới mở.

7.5. Hệ thống công trình hành chính và dịch vụ công:

a) Hệ thống công trình hành chính và dịch vụ công khu vực đô thị:

Hệ thống công trình hành chính và dịch vụ công khu vực đô thị: bao gồm cơ quan hành chính, dịch vụ công của huyện và thị trấn tập trung tại các đô thị (thị trấn Vĩnh Bình, đô thị Long Bình, Đồng Sơn). Số lượng và quy mô cơ sở được xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị.

b) Hệ thống công trình hành chính và dịch vụ công khu vực nông thôn:

Hệ thống công trình hành chính và dịch vụ công khu vực nông thôn: bao gồm cơ quan hành chính, dịch vụ công của xã tập trung tại các trung tâm xã. Số lượng và quy mô cơ sở được xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới.

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

8.1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng đô thị, điểm dân cư nông thôn:

a) Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng đô thị:

- Các khu chức năng hiện trạng trong phạm vi quy hoạch khu trung tâm (đất dân dụng, ngoài dân dụng) có cốt nền cao hơn cốt nền trung bình quy hoạch thì vẫn giữ theo hiện trạng. Đối với các khu vực thấp hơn sẽ tiến hành san lấp mặt nền cục bộ theo từng giai đoạn, từng dự án, đảm bảo tuân thủ cao độ xây dựng và hướng dốc mặt nền chung.

- Các khu chức năng phát triển mới trong phạm vi quy hoạch khu trung tâm (đất dân dụng, ngoài dân dụng) có cốt nền cao hơn cốt nền trung bình quy hoạch thì vẫn giữ theo hiện trạng. Đối với các khu vực thấp hơn sẽ tiến hành san lấp mặt nền toàn bộ diện tích khu vực phát triển mới, đảm bảo tuân thủ cao độ xây dựng và hướng dốc mặt nền chung.

b) Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng điểm dân cư nông thôn tập trung:

Chọn cao độ tôn nền xây dựng khu dân cư nông thôn tập trung (trung tâm xã, trung tâm khu dân cư vệ tinh), cụm CN ngoài trung tâm đô thị như sau:

- Đối với khu hiện hữu: tôn nền cục bộ, $H_{xd} \geq 2,20m$.

- Đối với khu mới hoặc mở rộng: tôn nền toàn bộ diện tích, $H_{xd} \geq 2,40m$.

- Chọn cao độ tôn nền khu dân cư nông thôn phân tán, các khu chức năng khác của huyện (không tính đất sản xuất nông nghiệp): $H_{xd} \geq 2,20 m$.

c) Thoát nước mưa:

- Tại khu vực trung tâm thị trấn Vĩnh Bình và các điểm dân cư tập trung với mật độ cao, thay các mương thoát nước lộ thiên hoặc nắp đan bằng hệ thống cống ngầm hình tròn; đồng thời tiến hành xây dựng hệ thống cống trên khu vực chưa có hệ thống thoát nước kết hợp với nạo vét kênh rạch, nâng cao trình đô thị.

- Tại các khu vực dự kiến mở rộng quy mô thị trấn Vĩnh Bình (đô thị loại IV) và các khu vực quy hoạch là đô thị loại V như đô thị Long Bình, Đồng Sơn, các khu dân cư tập trung và các trung tâm xã trên địa bàn huyện, trên cơ sở quy hoạch xây dựng, tiến hành xác định chỉ giới đỏ và xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa đồng bộ với tiến độ xây dựng mới, cải tạo các loại đường đô thị và các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện đi ngang khu vực đô thị.

- Tại các khu, cụm công nghiệp, tiến hành xây dựng hệ thống thoát nước mưa theo quy hoạch đồng bộ với việc xây dựng hệ thống giao thông trục và giao thông nội bộ trong khu.

8.2. Giao thông:

a) Giao thông bộ

- Đường tỉnh:

+ Quy hoạch giai đoạn 2021 - 2025:

. Quốc lộ 50: Duy tu bảo dưỡng tuyến đạt cấp III đồng bằng.

. Xây dựng mới tuyến đường ven sông Tiên (Đường tỉnh 864 (đường dọc sông Tiên dự kiến)) qua địa bàn huyện Gò Công Tây.

. Xây dựng mới tuyến ĐT.872B nối dài (nâng cấp tuyến đường N10) đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng.

. Đường tỉnh 872: Nhập với Đường huyện 18, toàn tuyến dài 13,66km, nâng cấp Đường tỉnh 872 đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng. Đoạn Đường huyện 18 nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng.

. Đường tỉnh 873: Nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng.

. Đường tỉnh 877: Nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng.

. Đường tỉnh 877C: Xây dựng mới tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng.

. Đường tỉnh 872B: Giữ cấp III đồng bằng.

. Đường tỉnh 879D: Giữ cấp III đồng bằng

. Xây dựng tuyến tránh thị trấn Vĩnh Bình đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng.

+ Quy hoạch đến 2030: Nâng cấp các tuyến đường quy hoạch giai đoạn 2025, giữ cấp (1 tuyến) và duy tu, bảo dưỡng theo quy định.

+ Quy hoạch đến năm 2045: Nâng cấp các tuyến đường quy hoạch giai đoạn 2030 (6 tuyến) và giữ cấp các tuyến còn lại duy tu, bảo dưỡng theo quy định.

- Đường huyện:

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Quy hoạch hệ thống đường huyện: gồm 23 tuyến với tổng chiều dài 131,258 km (tuyến ĐH.18 nâng cấp thành đường ĐT.872 nối dài). Trong đó: nâng cấp 12 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 48,793 km; duy tu giữ cấp 4 tuyến với tổng chiều dài 23,485 km, nâng cấp đường xã thành đường huyện 7 tuyến với tổng chiều dài 58,98 km.

+ Quy hoạch đến năm 2030:

. Xây dựng, nâng cấp hệ thống đường huyện đạt tiêu chuẩn cấp V, tỷ lệ rải mặt đạt 100%, hệ thống các cầu trên tuyến cùng cấp với đường.

. Nâng cấp 7 tuyến đường xã thành đường huyện: ĐH.DK1, ĐH.DK2, ĐH.DK3, ĐH.DK4, ĐH.DK5, ĐH.DK6, ĐH.DK7 đạt tiêu chuẩn cấp V đồng bằng.

+ Quy hoạch đến năm 2045:

. Duy trì các cấp đường theo quy hoạch giai đoạn 2030 (23 tuyến).

. Nâng cấp 3 tuyến đường xã thành đường huyện: ĐH.DK8, ĐH.DK9, ĐH.DK10 đạt tiêu chuẩn cấp VI đồng bằng.

. Hệ thống đường đô thị:

* Hệ thống đường đô thị sẽ được xây dựng mới theo tiến độ hình thành các thị trấn (Vĩnh Bình, Đồng Sơn, Long Bình) và các trung tâm dân cư (Vàm Giồng, Xóm Thù), tổng chiều dài 28,0 km (trong đó mở mới 20,7 km). Riêng thị trấn Vĩnh Bình sẽ mở mới từ 5 đến 6 km, trong đó mở tuyến mới song song với ĐT 872 từ QL50 qua thị trấn 3 km, đầu tư các tuyến khu vực phía Bắc và phía Nam của rạch Vàm Giồng, xây dựng các cầu nối liền qua 2 khu vực và các tuyến theo hướng Đông Tây để mở rộng thị trấn. Diện tích đường nội thị tăng: 17,30 ha.

* Đường hẻm đô thị có tổng chiều dài 155 km, sẽ hoàn chỉnh trải nhựa hoặc bê tông

. Hệ thống đường nông thôn.

* Trên cơ sở các tuyến đường đã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, duy tu bảo dưỡng theo quy định.

* Xây dựng mới, mở rộng và nâng cấp các tuyến đường theo yêu cầu phát triển nông thôn mới của địa phương.

b) Giao thông thủy:

- Đường thủy do Trung ương quản lý: nạo vét sông Tra (tổng chiều dài 31,4 km). Đường thủy cấp địa phương quản lý nạo vét các tuyến huyện quản lý đạt tiêu chuẩn đường thủy nội địa cấp 4. Tổng khối lượng nạo vét khoảng 37.000 m³.

- Các tuyến đường thủy nội địa do cấp huyện quản lý duy trì ổn định luồng lạch, giữ nguyên cấp kỹ thuật như hiện trạng.

- Từng bước trang bị hệ thống thông tin, báo hiệu đường thủy, ưu tiên các tuyến chính giao cắt với các tuyến do tỉnh và trung ương quản lý.

- Duy trì khai thác hệ thống sông, kênh, rạch hiện có do cấp xã quản lý. Chủ động công tác thanh thải luồng lạch.

c) Hệ thống bến bãi

- Bến, bãi đỗ xe đường bộ kết hợp các loại hình dịch vụ.

- Quy hoạch đến năm 2025:

+ Bến xe khách kết hợp các loại hình dịch vụ: quy hoạch tại xã Bình Nhì, đạt tiêu chuẩn loại 4, diện tích 0,3ha.

+ Bãi đỗ xe kết hợp các loại hình dịch vụ: xây dựng tại xã Đồng Thạnh, xã Bình Tân gần Cụm công nghiệp Long Bình (quy hoạch).

- Định hướng đến năm 2030: duy trì bến xe khách huyện Gò Công Tây và các bãi đỗ xe công cộng hiện có, kết hợp các loại hình dịch vụ, áp dụng công nghệ hiện đại vào quản lý, khai thác bến, bãi đỗ xe để đạt hiệu quả hơn.

- Định hướng đến năm 2045: duy trì quy mô và vị trí theo định hướng giai đoạn đến năm 2030. Chỉ xây dựng mới hoặc nâng cấp theo yêu cầu phát triển của tỉnh, huyện.

d) Cảng, bến thủy nội địa do địa phương quản lý

- Quy hoạch đến năm 2025: nâng cấp 10 bến đò hiện hữu; xây dựng mới một số bến: Bến đò ngang Ninh Đồng, sông Trà; Bến đóng tàu Đồng Sơn, sông Trà; Bến thủy khu vực Vàm Giồng, sông Tiền; các bến thủy dọc sông Tiền.

- Định hướng đến năm 2030: duy trì các bến hiện hữu, dừng khai thác các bến thủy nội địa không có giấy phép, bến thủy nội địa vi phạm hành lang an toàn giao thông đường thủy hoặc không đảm bảo an toàn khai thác theo quy định.

- Định hướng đến năm 2045: duy trì quy mô và vị trí theo định hướng giai đoạn đến năm 2030. Chỉ xây dựng mới hoặc nâng cấp theo yêu cầu phát triển của tỉnh, huyện.

8.3. Cấp nước:

a) Nguồn cấp nước:

Thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây và huyện Chợ Gạo sẽ sử dụng nguồn nước mặt từ Nhà máy nước Đồng Tâm về với đường ống dẫn nước Ø900. Các nhà máy nước tại chỗ chỉ để bổ sung khi cần thiết và nguồn nước ngầm để dự phòng.

b) Hệ thống phân phối:

- Đầu tư cải tạo các tuyến ống cũ, phát triển mới các tuyến ống cấp nước cho các khu vực chưa có hệ thống cấp nước và các khu dân cư trên địa bàn. Hỗ trợ kéo các tuyến ống do người dân tự góp vốn hoặc có giải pháp phù hợp để người dân có nước sử dụng.

- Đầu tư kéo các tuyến ống nhánh rẽ trên địa bàn dân cư đó có tuyến ống chính đi qua, nhằm sớm hoàn chỉnh mạng lưới cấp nước khu vực trạm cấp nước phụ trách và người dân sớm được hưởng lợi từ dự án này.

- Cải tạo lại mạng lưới cấp nước từ các trạm cấp nước tập trung đã xây dựng trước đây để đảm bảo khi kết nối với Nhà máy nước Đồng Tâm.

Đầu tư các tuyến ống cung cấp nước sạch cho nhân dân theo lộ trình kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt, một số tuyến quan trọng như: Tuyến ống cấp nước D250 HDPE L=6,2 km dọc Đường huyện 18 từ Quốc lộ 50 đến Chợ Dinh xã Đồng Sơn; Tuyến ống cấp nước D315 HDPE L=9,3 km dọc Đường tỉnh 872B từ Quốc lộ 50 đến Bến Phà Tân Long; Tuyến ống cấp nước D200 HDPE L=3,2 km dọc Đường huyện 12 từ Quốc lộ 50 đến Chợ Bình Đông xã Thạnh Nhựt; Tuyến ống cấp nước D315 HDPE L=12,9 km dọc Đường tỉnh 877 từ Đường Bình Thủy xã Bình Ninh huyện Chợ Gạo đến Cầu Long Bình; Tuyến ống cấp nước D200 HDPE L=3,8 km dọc Đường huyện 13 từ Lộ Đình xã Thành Công đến Ranh xã Bình Xuân.

8.4. Cấp điện – Thông tin liên lạc:

a) Cấp điện:

- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho huyện thuộc lưới điện Quốc gia cung cấp cho vùng 1 bao gồm thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Tân Phú Đông, và huyện Gò Công Tây hiện được cấp điện từ các trạm 110kV sau:

+ Trạm Gò Công 110/22kV-(2x40)MVA và trạm Gò Công Tây 110/22KV- (2x40MVA).

+ Trạm Gò Công hiện nhận điện qua đường dây Mỹ Tho 2 - Mỹ Tho - Gò Công, dây dẫn hiện nay là AC185. Trạm Gò Công còn liên kết với trạm Cần Đước (Long An) dây dẫn ACSR 397,5 nhận điện từ trạm 220/110kV Nhà Bè.

+ Trạm Gò Công Tây rẽ nhánh trên tuyến Mỹ Tho 2 - Mỹ Tho - Gò Công, trạm Gò Công Tây vừa được đưa vào vận hành.

- Hệ thống truyền tải:

+ Định hướng xây dựng và cải tạo lưới điện: Cấp điện áp 22kV được chuẩn hóa cho phát triển lưới điện trung thế trên địa bàn huyện.

+ Các tuyến trục trung thế được thiết kế theo tiêu chí N-1 để đảm bảo độ tin cậy cấp điện.

+ Ngầm hóa các khu vực trọng điểm trên địa bàn huyện: phát triển cáp ngầm trong các khu đô thị mới nhằm đảm bảo mỹ quan. Từng bước ngầm hóa hệ thống đường dây nổi 22kV hiện có tại các tuyến đường quan trọng.

- Về đầu tư phát triển lưới điện nông thôn

+ Tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư lưới điện nông thôn mới các xã Bình Phú, Bình Tân và Long Bình. Triển khai thực hiện công trình điện theo dự án cải tạo, nâng cấp và phát triển lưới điện khu vực thị trấn Vĩnh Bình.

+ Thực hiện đầu tư 02 km đường dây trung thế phục vụ cho phát triển cụm công nghiệp.

+ Triển khai đầu tư công trình điện phục vụ tưới tiêu nông nghiệp.

b) Thông tin liên lạc:

- Bưu chính:

+ Hoàn thành phổ cập dịch vụ; mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính theo hướng ứng dụng rộng rãi mọi lĩnh vực. Ứng dụng công nghệ hiện đại, triển khai tự động hoá trong khai thác, chấp nhận và ứng dụng tin học hoá cấp bưu cục, điểm phục vụ.

+ Phát triển kinh doanh từ các dịch vụ mới, dịch vụ lai ghép, dịch vụ tài chính dựa trên mạng bưu chính điện tử.

- Viễn thông và thông tin liên lạc:

+ Xây dựng hoàn chỉnh tuyến cáp quang, tăng cường mạng cáp treo tại các bưu cục.

- Đi đôi với việc tăng dung lượng tại các bưu cục là mở rộng mạng điện thoại di động.

+ Nâng cấp bưu điện trung tâm huyện, xây dựng và nâng cấp bưu điện văn hóa xã; bán kính phục vụ bình quân còn dưới 2 km.

- Tiếp tục tăng dung lượng tại các tổng đài, năm 2025 có 22,6 máy và năm 2030 có 44,6 máy điện thoại.

8.5. Thoát nước thải, quản lý CTR, nghĩa trang:

a) Thoát nước thải:

Phấn đấu đến năm 2030, các thị trấn và các trung tâm dân cư về cơ bản đều có hệ thống tách, thoát và xử lý nước thải.

Các hạng mục cần thực hiện là:

- Nghiên cứu việc xây dựng công hứng nước và giếng tách tràn tại khu trung tâm thương mại TT Vĩnh Bình dọc kênh Vàm Giồng (đồng bộ với việc duy tu hệ thống công thoát nước mưa)

- Tại các khu vực đô thị loại V dự kiến mở rộng (thị trấn Vĩnh Bình, Đồng Sơn, Long Bình), xây dựng 2 hệ thống thoát nước mưa và nước thải đồng bộ với tiến độ xây dựng các trục giao thông.

- Đối với các trung tâm dân cư và các trung tâm xã, các cụm dân cư lớn, trước mắt vẫn giữ chung 2 hệ thống (thoát nước mưa và thoát nước thải), tuy nhiên, cần dự trù quỹ đất để xây dựng giếng tách tràn, hệ thống thu nước thải tập trung, hồ xử lý sinh học nhằm có thể tách, thu gom và xử lý nước thải sau năm 2025 trong điều kiện có nhiều thuận lợi hoặc có nhu cầu bức thiết.

- Tại các cụm công nghiệp, quy hoạch và thiết kế các tuyến nước thải, điểm thu hồi nước, trạm bơm và các khu xử lý.

b) Quản lý chất thải rắn (CTR):

- Tại các thị trấn, khu đô thị:

- + Xây dựng thêm hệ thống điểm trung chuyển, bãi rác cho các thị trấn, đô thị.

- + Chọn địa điểm xây dựng bãi rác trung chuyển tại các xã với quy mô khoảng 1-2 ha, trước khi chuyển đi khu xử lý chung của huyện hoặc khu xử lý của khu vực phía Đông.

- Tại các trung tâm xã: xây dựng các điểm trung chuyển các chợ với quy mô 1.000 m²/điểm.

- Rác thải công nghiệp - Rác thải y tế: phấn đấu nâng tỷ lệ thu gom rác lên 95% - 100%, trong đó:

- + Quy hoạch bãi rác trung chuyển cho từng khu, cụm công nghiệp nhằm xử lý sơ bộ và dự phòng trường hợp các bãi rác tập trung chậm được mở cửa.

- + Các cơ sở sản xuất nằm ngoài khu, cụm công nghiệp phải có thùng rác riêng, đăng ký với các tổ thu gom rác và từng bước tiến đến phân loại nguồn rác.

- + Các cơ sở công nghiệp -TTCN nằm trong cụm công nghiệp 100% đăng ký với các tổ thu gom rác và phân loại nguồn rác.

- + Các cơ sở y tế phải phân loại bệnh phẩm và rác thải trước khi xử lý; trang bị hệ thống xử lý bệnh phẩm.

c) Nghĩa trang:

- Do đặc điểm điều kiện địa hình, các đô thị phân bố không tập trung, khoảng cách giữa các đô thị cách xa nhau, nên dự kiến sẽ xây dựng các nghĩa trang có tính chất liên huyện, liên đô thị, liên vùng. Các đô thị cấp huyện sẽ xây dựng các nghĩa trang riêng hoặc các đô thị gần nhau có điều kiện liên kết được sẽ xây dựng nghĩa trang chung nhưng các nghĩa trang phải được bố trí xa khu dân cư, xa nguồn nước, đảm bảo khoảng cách ly (khoảng 2.000m) đến các đô thị theo quy chuẩn xây dựng đã ban hành.

- Tại các trung tâm dân cư, cụm dân cư tập trung, khu vực nông thôn xây dựng các nghĩa trang riêng phù hợp với quy mô dân số và không làm ảnh hưởng

đến môi trường.

- Trong quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, dự kiến xây dựng một công viên nghĩa trang nhân dân thị xã Gò Công, quy mô diện tích 15,2 ha theo quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Thị trấn Vĩnh Bình dự kiến xây dựng 1 nhà tang lễ với quy mô khoảng 500m².

8.6. Thủy lợi:

- Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi kênh cấp I, II, III và nội đồng đảm bảo thông suốt dòng chảy từ kênh cấp I, II đến hệ thống kênh nội đồng để phục vụ tốt cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xử lý môi trường, dân sinh và các nhu cầu khác trong việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hệ thống công chống úng ở các xã có khu vực vùng trũng, đồng thời xây dựng các trạm bơm điện tạo thuận lợi trong tưới tiêu và giảm chi phí bơm tưới.

- Gắn kết hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi đồng thời với phát triển hệ thống giao thông nông thôn.

- Tiếp tục đầu tư hệ thống thủy lợi, trạm bơm điện để giải quyết nước tưới cho vùng Khương Thọ, Thạnh Thới, Bình Trinh (Đồng Sơn); Bình Khánh, Khương Thọ (Bình Phú); Lợi An, Thạnh Lợi (Bình Tân); Long Hải (Long Bình) tổng diện tích 2.300 ha. Bằng các giải pháp công trình và tổ chức quản lý theo mô hình tập thể, đầu tư nạo vét các kênh cấp II và III đạt yêu cầu.

- Tiếp tục khắc phục vùng úng Thạnh Nhứt, Thị trấn Vĩnh Bình, Thạnh Trị, Long Vĩnh, Vĩnh Hựu, Yên Luông, Bình Tân, Long Bình tổng diện tích hơn 1.800 ha thông qua việc phối hợp vận hành các công chống úng đồng bộ với công Vàm Giồng, củng cố bờ bao kết hợp đường giao thông nội đồng, tổ chức quản lý hệ thống kênh mương theo mô hình tổ hợp tác. Thường xuyên tổ chức trực vớt lục bình, cỏ trên các tuyến kênh để khai thông dòng chảy.

9. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường, hạn chế các tác động xấu đến môi trường trong quá trình phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch. Xác định các khu vực cần bảo vệ môi trường, tăng cường sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái chế, hạn chế các nguồn gây ô nhiễm, phát thải gây hiệu ứng nhà kính và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Các thị trấn và đô thị, vùng phát triển công nghiệp tập trung cần được cách ly với các khu dân cư, các khu bảo tồn bằng các hành lang xanh. Khuyến khích phát triển giao thông công cộng để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm do giao thông.

- Bảo tồn nghiêm ngặt các khu bảo tồn loài/sinh cảnh để bảo vệ nguồn nước, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu. Bảo vệ và phát triển các hành lang xanh dọc các sông, hồ,... Hạn chế các hoạt động phát triển làm biến đổi dòng chảy, biến đổi địa hình gây mất an toàn đối với các khu dân cư và cơ sở hạ tầng.

- Xây dựng các chương trình quản lý tổng hợp các lưu vực sông trong vùng; xây dựng chương trình kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải từ các

đô thị, khu, cụm công nghiệp, giao thông vận tải; xây dựng hệ thống giám sát chất lượng môi trường vùng, hệ thống quan trắc, cảnh báo sớm tác động của biến đổi khí hậu như cảnh báo nước sông dâng lên bất thường, hạn hán kéo dài.

10. Giải pháp về nguồn vốn thực hiện:

- Dự kiến nguồn vốn đa dạng, nhiều thành phần nhưng tập trung chủ yếu từ nguồn ngân sách Trung ương, địa phương; vốn kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp với nhiều hình thức BOT, BT, xã hội hoá...

- Tập trung vốn ngân sách, vốn nước ngoài (ưu đãi, viện trợ...) đối với các công trình phúc lợi xã hội, công trình phục vụ nông thủy sản cấp vùng, môi trường... và kết hợp chương trình giáo dục cộng đồng cùng tham gia.

- Vốn doanh nghiệp và các nguồn vốn khác tập trung vào các vấn đề có khả năng kinh doanh theo các dự án cấp vùng, phân vùng.

11. Tổ chức thực hiện theo cơ chế quản lý phát triển vùng:

- Phát huy nội lực, đẩy mạnh việc thu hút đầu tư trong và ngoài nước; tranh thủ các nguồn lực từ Trung ương để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội; hỗ trợ thúc đẩy các nguồn lực đầu tư về giao thông, các cụm công nghiệp, khu du lịch, đô thị.

- Quản lý thống nhất các quy hoạch ngành trong toàn tỉnh để tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính và đất đai. Quản lý đô thị theo phân cấp và có sự tham gia của các cơ quan quản lý chuyên môn.

- Lập kế hoạch để triển khai thực hiện quy hoạch vùng gồm các chương trình quảng bá, giới thiệu quy hoạch, kêu gọi đầu tư. Các hoạt động đầu tư cần có sự thống nhất, tuân thủ các vùng chức năng đã được xác định trong quy hoạch vùng.

- Lập Quy định quản lý vùng để quản lý phát triển theo nội dung quy hoạch vùng, trong đó xác lập những yêu cầu về quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật để quản lý các quy hoạch xây dựng đô thị, dự án đầu tư xây dựng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây chủ trì, phối hợp với các tổ chức có liên quan triển khai công bố Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Tài chính; Kho bạc Nhà nước Tiền Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây; Thủ trưởng các Sở, ngành chức năng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / *Phel*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT;
- UBND huyện Gò Công Tây;
- VPUB: LĐVP;
- Lưu: VT, P.KT(Khương).

12/18

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng